TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314 /2024/HS-ST
Ngày 09.12.2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh

Ông Dương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọt, là thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố H *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Bích Phượng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 302/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316 /2024/QĐ- ST ngày 04 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 53/ QĐ – HSST ngày 29 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 1969; Giới tính: Nam; HKTT: Số 6/207/63 TDP Trung 6, phường X, quận B, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn Tường, (đã chết); con bà: Lê Thị N; Có vợ: Phạm Thị Thu H(đã ly hôn) có 03 con: lớn sinh năm 2002 nhỏ nhất sinh năm 2015; Danh bản, chỉ bản số 410 lập ngày 10/7/2024 tại công an quận B; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

Bản án hình sự phúc thẩm số 103/2018/HS-PT ngày 08/3/2018, Toà án nhân dân TP H xử phạt Trần Văn T ***07 năm tù*** tính từ 04/9/2017 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (sửa bản án sơ thẩm số 286/2017/HSST ngày 18/12/2017 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm) – tội phạm xảy ra sau, xét xử trước.

Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2018/HS-ST ngày 15/10/2018, Tòa án nhân dân TP H xử phạt Trần Văn T ***11 năm tù*** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp với hình phạt 07 năm tù theo quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 103/2018/HS-PT ngày 08/3/2018, Toà án nhân dân TP H, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là ***18 năm tù***, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 04/9/2017 – tội phạm xảy ra sau, xét xử trước.

Bị cáo đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số 569/2018/QĐ-CA ngày 14/12/2018 của Chánh án Toà án nhân dân TP H tại Trại giam S – Bộ Công an.

(Có mặt tại phiên tòa)

***Người bị hại:** ông Nguyễn Văn H SN 1954;

HKTT: Thôn Đa, xã D, huyện H, Thành phố H

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1969;
HKTT: Thôn D, xã D, Huyện H, Thành phố H

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/7/2015, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B nhận được đơn của ông Nguyễn Văn H (SN 1954; HKTT: thôn Đ, xã D, huyện H, Thành phố Hi) tố giác Trần Văn T lừa đảo chiếm đoạt 190.000.000 đồng thông qua việc hứa xin cho con gái ông H vào làm việc tại bệnh viện 198 – Bộ Công an xảy ra ngày 12/6/2014 tại phường M, quận B, Thành phố H. (BL28-32)

Quá trình điều tra xác định:

Khoảng tháng 3/2014, anh Nguyễn Cảnh H (SN 1969; HKTT: Xã D, huyện H, TP H) gặp gỡ, quen biết Trần Văn T, quá trình quen biết T tự giới thiệu đang công tác tại Bộ Công an, có nhiều mối quan hệ có thể xin được việc cho người khác, thấy trên xe của T có nhiều hồ sơ xin việc nên anh H tin tưởng T. Biết anh Nguyễn Văn K (SN 1983; HKTT: xã D, huyện H, TP H là đồng nghiệp anh H) có em gái là Nguyễn Thị L (SN 1988, HKTT: xã D, Huyện H, TP H) đã tốt nghiệp Cao đẳng Y chưa xin được việc làm nên anh H nói với anh Kiên, anh K nói lại với ông Nguyễn Văn H (là bố đẻ anh K, chị L), ông H đồng ý nhờ T xin việc cho chị L thông qua anh H. Tuy không có khả năng xin việc nhưng T vẫn nhận lời xin cho chị L vào làm việc tại Bệnh viện 198 - Bộ công an với chi phí 350.000.000 đồng, đưa trước số tiền 250.000.000 đồng. Để tạo sự tin tưởng, T đưa cho anh H bộ hồ sơ mẫu để chị L kê khai và làm hồ sơ.

Ngày 12/6/2014, anh H cùng ông T, anh K, chị L đến gặp Trần Văn T tại trường Đại học Công nghiệp, phường M, quận B, TP H, được T hứa xin việc cho chị L, sớm nhất là khoảng 03 tháng, lâu nhất là khoảng 06 tháng sẽ xin được, theo yêu cầu của T, ông H đã đưa trước số tiền là 100.000.000 đồng và hồ sơ của chị L cho T; Khoảng cuối tháng 6/2014, T yêu cầu ông H đưa thêm 150.000.000 đồng, ông H đã đưa cho T thành 02 lần, lần 1 tại số 27, ngách 28, ngõ 260 Cầu Giấy 90.000.000 đồng, T viết giấy nhận tiền 190.000.000 đồng với nội dung nhận tiền của ông H để "lo việc gia đình", hẹn đúng 12/9/2014 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên (là số tiền T nhận trực

tiếp từ ông H) và lần 2 thông qua anh Hoài, ông H đưa tiếp cho T là 50.000.000 đồng. Tổng cộng, T đã nhận 240.000.000 đồng của ông H.

Sau khi nhận tiền, T không xin việc và cũng không thể thực hiện như đã hứa hẹn mà chi tiêu hết cho cá nhân. Quá thời gian hẹn, không thấy T xin được việc cho chị L, ông H đòi lại tiền thì T mới trả được cho ông 50.000.000 đồng thông qua anh H và tìm nhiều lý do để trì hoãn lẩn tránh. Nhận thấy có dấu hiệu lừa đảo nên ông H đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc và tố cáo Trần Văn T (BL28-32, 69-92, 94-117, 119, 120-121, 122-124, 125-126).

Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bản thân T không có khả năng xin việc nhưng vẫn hứa hẹn xin cho chị Nguyễn Thị L vào làm Bệnh viện 198 - Bộ Công an và chiếm đoạt 240.000.000 đồng của ông H để chi tiêu cá nhân, không tác động gì về xin việc và lẩn tránh khi bị đòi tiền. (BL69-92)

Vật chứng thu giữ: 01 giấy nhận tiền đề ngày 12/6/2014 tên Trần Văn T ghi nội dung nhận tiền của ông H để lo việc gia đình. (BL28-29)

Bản kết luận giám định số 2787 ngày 29/6/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ công an kết luận: ***Chữ ký, chữ viết trong giấy nhận tiền với chữ ký, chữ viết của Trần Văn T trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.*** (BL25)

Công văn số 1779 ngày 17/6/2024, Bệnh viện 198 - Bộ Công an cung cấp: Năm 2014, Bệnh viện 198 không có chỉ tiêu tuyển dụng công dân vào làm việc tại Bệnh viện. Từ trước đến nay, Bệnh viện 198 không có cán bộ nào tên Trần Văn T (SN 04/11/1969) công tác tại Bệnh viện. Bệnh viện đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B tập hợp, điều tra làm rõ vụ việc theo quy định để không ảnh H đến uy tín của Bệnh viện cũng như của ngành Công an. (BL119)

Đối với anh Nguyễn Cảnh H: Do muốn giúp gia đình ông Hưởng, anh Kiên, chị L và tin tưởng T có khả năng xin việc nên anh đã giới thiệu ông H gặp Tiến; anh H không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, anh H đã tự nguyện trả cho ông H số tiền 190.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn H đã nhận lại đủ số tiền 240.000.000 đồng từ anh H nên không có yêu cầu đề nghị gì; Anh Nguyễn Cảnh H yêu cầu Trần Văn T trả lại co anh số tiền 190.000.000 đồng T chiếm đoạt do anh đã trả cho ông H.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên.

Bản cáo trạng số 293/CT - VKS ngày 05/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận B quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015.

Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; Điều 38; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Vật chứng vụ án:

Về dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải trả cho anh Nguyễn Cảnh H số tiền 190.000.000đồng đã trả ông H thay cho bị cáo.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Do hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã phạm tội, bị cáo rất ân hận mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được H mức án nhẹ nhất để sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra – Công an quận Bắc Từ Liêm; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác, đủ cơ sở kết luận:

Trong tháng 6/2014 Trần Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối để ông Nguyễn Văn H tin tưởng T có khả năng xin việc cho chị Nguyễn Thị L (con gái H), T đã đưa các giấy tờ để chị Nguyễn Thị L (con gái ông Nguyễn Văn H kê khai, làm hồ sơ và hứa hẹn xin cho chị L vào làm việc tại Bệnh viện 198 - Bộ Công an, ông H đã nhiều lần đưa cho T với tổng số tiền 240.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ ông H, Trần Văn T không có khả năng nhờ ai xin việc hộ chị L mà tiêu sài cá nhân hết. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội:“ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động nhưng bị cáo không tìm một việc làm hợp pháp, mà lợi dụng lòng tin của anh Hoài, ông H nhằm chiếm đoạt tài sản của ông H, lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của 02 bản án phạm tội sau nhưng xử trước nên HĐXX tổng hợp hình phạt của bị cáo theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự. Đối với 02 bản án này, tuy không tính là tiền án nhưng đủ thấy thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống chung xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa

chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, đã khắc phục một phần tài sản cho người bị hại để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]Về tình tiết tăng nặng: không

[4]Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai nhận tội, ăn năn hối cải, khắc phục một phần tài sản cho người bị hại nên được H tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[5] Về dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Cảnh H số tiền 190.000.000đồng mà anh Nguyễn Cảnh H đã trả thay bị cáo cho ông Nguyễn Văn H.

[6] Vật chứng vụ án: không

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 07 năm tù. Tổng hợp hình phạt 18 năm tù của 02 bản án: Bản án hình sự phúc thẩm số 103/2018/HS-PT ngày 08/3/2018, Toà án nhân dân TP H xử phạt Trần Văn T ***07 năm tù*** tính từ 04/9/2017 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2018/HS-ST ngày 15/10/2018, Tòa án nhân dân TP H xử phạt Trần Văn T ***11 năm tù*** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 03 bản án là **25 năm tù**. Thời hạn từ tính từ ngày 04/9/2017, được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt của 02 bản án trước từ ngày 04/9/2017 đến ngày 09/12/2024.

Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật dân sự; Điều 2, 6,7, 9 Luật thi hành án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

2. **Về dân sự:** Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Cảnh H số tiền 190.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với

khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất 10%/ năm (theo Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. **Vật chứng vụ án:** Không

5. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải nộp 9.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- *Những người tham gia tố tụng*
- *VKS ND quận B*
- *Công an quận B*
- *Chi cục THA dân sự quận B*
- *Lưu HS*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tuyết